



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thông tin về Công ty

Các văn bản thành lập Quyết định số 1683/VT-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1980 của Bộ Vật tư (nay là Bộ Công Thương) về việc thành lập Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I trực thuộc Tổng Công ty Xăng dầu nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam.

Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 của Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển đổi tên Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I thành Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO và hình thức doanh nghiệp từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 1 tháng 6 năm 2016.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Văn Hùng Ông Vũ Đình Hiến Ông Vũ Quang Khánh Ông Nguyễn Đình Thanh Ông Nguyễn Hữu Thành Ông Đặng Quang Tuấn Ông Nguyễn Quang Minh	Chủ tịch Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên Ủy viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Vũ Đình Hiến Ông Vũ Quang Khánh Ông Đào Ngọc Trung Ông Nguyễn Hữu Thành	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban kiểm soát	Ông Lê Đức Bình Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan Bà Hoàng Thủy Hương	Trưởng ban Kiểm soát Ủy viên Ủy viên
Trụ sở đăng ký	Số 37 Phan Bội Châu Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Đình Hiến
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, 23-08-2017



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84-4 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23-08-2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-099-SX-HN



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Kiểm toán số: 0861-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2017

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		234.632.408.857	248.321.050.575
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	98.368.819.781	63.503.460.768
Tiền	111		31.868.819.781	14.503.460.768
Các khoản tương đương tiền	112		66.500.000.000	49.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.233.180.372	89.666.474.990
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	31.556.841.353	74.683.708.179
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.351.392.410	7.144.366.879
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	15.012.851.312	18.561.304.635
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(10.687.904.703)	(10.722.904.703)
Hàng tồn kho	140	13	76.993.384.144	94.128.162.224
Hàng tồn kho	141		84.356.816.409	101.491.594.489
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.363.432.265)	(7.363.432.265)
Tài sản ngắn hạn khác	150		18.037.024.560	1.022.952.593
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		17.773.051.754	756.984.188
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.682.401
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		263.972.806	259.286.004

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		1.372.370.464.921	1.459.023.888.923
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.822.401.606	2.771.174.580
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		386.341.561	386.341.561
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	21.435.401.606	21.384.174.580
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	12	(18.999.341.561)	(18.999.341.561)
Tài sản cố định	220		1.059.123.664.945	1.146.028.096.320
Tài sản cố định hữu hình	221	14	1.047.018.068.595	1.133.788.503.524
<i>Nguyên giá</i>	222		2.558.752.287.912	2.559.030.544.674
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.511.734.219.317)	(1.425.242.041.150)
Tài sản cố định vô hình	227	15	12.105.596.350	12.239.592.796
<i>Nguyên giá</i>	228		14.510.627.524	14.510.627.524
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.405.031.174)	(2.271.034.728)
Bất động sản đầu tư	230	16	86.907.651.036	88.796.947.798
<i>Nguyên giá</i>	231		113.357.805.704	113.357.805.704
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(26.450.154.668)	(24.560.857.906)
Tài sản dở dang dài hạn	240		151.129.455.677	148.086.009.551
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		2.393.855.199	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242	17	148.735.600.478	148.086.009.551
Đầu tư tài chính dài hạn	250	18	70.706.416.815	71.777.119.185
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		68.042.416.815	69.113.119.185
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		61.454.000.000	61.454.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(58.790.000.000)	(58.790.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		1.680.874.842	1.564.541.489
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.680.874.842	1.564.541.489
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.607.002.873.778	1.707.344.939.498

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		522.779.662.015	595.607.805.104
Nợ ngắn hạn	310		173.624.998.337	203.543.903.241
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	9.197.476.161	42.829.841.606
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		85.623.234	90.175.167
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	10.757.660.363	6.210.406.267
Phải trả người lao động	314		18.608.980.569	20.971.906.415
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	2.495.615.150	3.337.413.728
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		598.128.896	555.062.759
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	12.113.310.389	16.913.826.224
Vay ngắn hạn	320	24(a)	105.634.500.000	98.365.250.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	14.133.703.575	14.270.021.075
Nợ dài hạn	330		349.154.663.678	392.063.901.863
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		165.277.000	759.927.440
Phải trả dài hạn khác	337		2.346.458.098	2.500.472.098
Vay dài hạn	338	24(b)	317.508.500.000	374.033.875.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	19(a)	4.774.428.580	4.769.627.325
Dự phòng phải trả dài hạn	342	25	24.360.000.000	10.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.084.223.211.763	1.111.737.134.394
Vốn chủ sở hữu	410	27	1.084.223.211.763	1.111.737.134.394
Vốn cổ phần	411	28	684.709.410.000	684.709.410.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		684.709.410.000	684.709.410.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		7.571.969.722	7.571.969.722
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	306.482.840.509	306.482.840.509
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		81.824.164.571	109.143.777.796
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		48.888.925.368	25.871.088.326
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		32.935.239.203	83.272.689.470
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		3.634.826.961	3.829.136.367
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.607.002.873.778	1.707.344.939.498

23 -08- 2017

Người lập:


 Nguyễn Thị Hoàng Yên
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Thanh Hào
 Kế toán trưởng



 Vũ Đình Hiền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8	370.878.522.268	282.796.412.838
Giá vốn hàng bán	11		286.596.581.200	214.352.994.084
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20	8	84.281.941.068	68.443.418.754
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	1.474.401.708	57.517.000.771
Chi phí tài chính	22	33	14.017.152.434	6.879.516.247
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>13.800.363.211</i>	<i>6.662.441.623</i>
Phần (lỗ)/lãi trong công ty liên kết	24		(1.070.702.370)	8.060.674.635
Chi phí bán hàng	25		2.819.059.920	3.302.200.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	26.767.219.830	26.441.016.158
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		41.082.208.222	97.398.360.963
Thu nhập khác	31		411.056.635	776.510.337
Chi phí khác	32		196.047.072	609.470.902
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		215.009.563	167.039.435
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		41.297.217.785	97.565.400.398
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	36	8.551.486.733	18.648.485.507
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	36	4.801.255	1.064.511.844
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		32.740.929.797	77.852.403.047

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		32.740.929.797	77.852.403.047
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		32.935.239.203	80.163.383.979
Cổ đông không kiểm soát	62		(194.309.406)	(2.310.980.932)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	37	481	1.171

23 -08- 2017

Người lập:


 Nguyễn Thị Hoàng Yên
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Thanh Hào
 Kế toán trưởng


 Vũ Đình Hiền
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	41.297.217.785	97.565.400.398
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	88.793.728.137	64.716.551.662
Các khoản dự phòng	03	14.325.000.000	25.106.102.466
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(74.690.713)	(2.833.516.625)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(230.460.635)	(59.825.989.128)
Chi phí lãi vay	06	13.800.363.211	6.662.441.623
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	157.911.157.785	131.390.990.396
Biến động các khoản phải thu	09	48.443.338.620	(12.131.964.155)
Biến động hàng tồn kho	10	14.740.922.881	(1.682.561.290)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(39.455.925.434)	12.195.673.382
Biến động chi phí trả trước	12	(17.132.400.919)	(3.055.200.939)
		164.507.092.933	126.716.937.394
Tiền lãi vay đã trả	14	(14.141.199.025)	(6.950.624.764)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.778.307.529)	(12.457.500.331)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.097.000.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.711.417.128)	(2.792.499.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	137.973.169.251	104.516.313.299
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(649.590.927)	(479.422.086.530)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	200.000.000	618.000.000
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	183.600.000.000
Tiền thu lãi và cổ tức	27	1.078.440.782	2.831.898.701
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	628.849.855	(292.372.187.829)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	40.497.335.788	307.928.487.321
Tiền trả nợ gốc vay	34	(89.492.588.288)	(101.003.754.821)
Tiền trả cổ tức	36	(54.741.530.600)	(31.957.725.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(103.736.783.100)	174.967.006.800
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	34.865.236.006	(12.888.867.730)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	63.503.460.768	121.856.443.710
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	123.007	(110.964)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 9)	70	98.368.819.781	108.967.465.016

23 -08- 2017

Người lập:

Nguyễn Thị Hoàng Yến
Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Hào
Kế toán trưởng



Vũ Đình Hiến
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO (“Công ty”), trước đây là Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I, là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh vận tải và được Bộ Vật tư thành lập theo Quyết định số 1683/VT-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 1980.

Theo Quyết định số 2439/QĐ-BTM ngày 29 tháng 9 năm 2005 về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa và cơ cấu lại Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200113152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 26 tháng 12 năm 2005, Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 9 năm 2005 với tên gọi là Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO. Công ty kế thừa các quyền và nghĩa vụ của Công ty Vận tải Xăng dầu Đường thủy I theo các quy định của pháp luật.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Công ty trong công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Cung ứng dịch vụ vận tải ven biển và viễn dương; dịch vụ hàng hải, đại lý tàu biển, kiểm đếm hàng hóa, vệ sinh tàu biển; đại lý vận tải đường biển;
- Cung ứng dịch vụ kho bãi và dịch vụ kho ngoại quan;
- Cung ứng cho thuê thuyền viên cung ứng tàu biển; môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và bốc dỡ hàng hóa tại cảng biển; khai thuế hải quan; và
- Kinh doanh xăng dầu, gas hóa lỏng, các sản phẩm hóa dầu và các thiết bị sử dụng gas hóa lỏng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 4 công ty con (1/1/2017: 4 công ty con) và 1 công ty liên kết (1/1/2017: 1 công ty liên kết) như sau:

	Hoạt động chính	Địa chỉ	% sở hữu và % quyền biểu quyết	
			30/6/2017	1/1/2017
Công ty con				
Công ty TNHH VIPCO Hạ Long	Kinh doanh xăng dầu và vận chuyển	Quảng Ninh	100%	100%
Công ty TNHH MTV Bất động sản VIPCO	Kinh doanh bất động sản	Hải Phòng	100%	100%
Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO	Kinh doanh dịch vụ cho thuê thuyền viên	Hải Phòng	100%	100%
Trường Cao đẳng nghề Duyên Hải	Đào tạo nghề	Hải Phòng	70%	70%
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Kinh doanh xăng dầu và vận chuyển	Hải Phòng	45,1%	45,1%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty và các công ty con có 503 nhân viên (1/1/2017: 496 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty tại công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản mục nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc

ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	7 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ đồ đạc và trang bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 15 năm

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế phát sinh để có được quyền sử dụng đất bao gồm cả chi phí đền bù giải phóng, san lấp mặt bằng.

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn sẽ được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất. Công ty và các công ty con không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 4 năm.

(i) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 30 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phân ánh các khoản chi phí sửa chữa lớn định kỳ cho 2 con tàu P16 và P18. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 tháng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí phục vụ quá trình mua và nhận bàn giao tàu mới

Chi phí phục vụ quá trình mua và nhận bàn giao tàu mới bao gồm phí giám định tàu, phí khảo sát tàu và phí tư vấn luật sư ký kết mua tàu P18. Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 1,5 năm.

(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ lên đà sửa chữa là 2,5 năm/lần. Chi phí sửa chữa lớn cho mỗi kỳ sáu tháng được ước tính bằng 1/5 dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hợp nhất của kỳ kế toán bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng

(ii) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) *Doanh thu cho thuê*

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong kỳ kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng, do vậy việc trình bày lãi trên cổ phiếu suy giảm không áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, không có thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán đã được thực hiện tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm trước.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty và các công ty con không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu;
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu;
- Hoạt động khác.

	Vận tải		Thương mại		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	280.571.371.756	197.151.937.650	63.522.398.324	65.948.367.770	26.784.752.188	19.696.107.418	-	370.878.522.268	282.796.412.838	
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	3.587.434.710	3.429.264.510	29.574.767.666	23.320.649.094	(33.162.202.376)	-	-	
Tổng doanh thu của bộ phận	280.571.371.756	197.151.937.650	67.109.833.034	69.377.632.280	56.359.519.854	43.016.756.512	(33.162.202.376)	370.878.522.268	282.796.412.838	
Kết quả kinh doanh của bộ phận	68.780.669.117	55.976.551.063	6.320.868.964	6.893.055.259	9.180.402.987	5.573.812.432	-	84.281.941.068	68.443.418.754	

Chỉ phí không phân bổ

(29.586.279.750) (29.743.216.950)

Kết quả từ các hoạt động
kinh doanh

54.695.661.318 38.700.201.804

(Lỗ)/lãi trong công ty liên kết
Thu nhập khác
Chi phí khác
Chi phí thuế TNDN hiện hành
Chi phí thuế TNDN hoãn lại

(1.070.702.370) 8.060.674.635
1.885.458.343 58.293.511.108
(14.213.199.506) (7.488.987.149)
(8.551.486.733) (18.648.485.507)
(4.801.255) (1.064.511.844)

Lợi nhuận thuần sau thuế

32.740.929.797 77.852.403.047

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	608.468.887	630.648.457
Tiền gửi ngân hàng	31.260.350.894	13.872.812.311
Các khoản tương đương tiền	66.500.000.000	49.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	98.368.819.781	63.503.460.768
	<hr/>	<hr/>

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	11.165.740.590	52.252.104.785
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	2.675.422.093	2.142.529.546
Các bên thứ ba		
	17.715.678.670	20.289.073.848
	<hr/>	<hr/>
	31.556.841.353	74.683.708.179
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Phải thu khác

(a) Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng	1.979.504.332	1.919.244.801
Thu hộ, chi hộ	11.287.132.838	15.683.366.011
Phải thu lãi tiền gửi	62.444.444	39.722.221
Phải thu khác	1.683.769.698	918.971.602
	<hr/>	<hr/>
	15.012.851.312	18.561.304.635
	<hr/>	<hr/>

(b) Các khoản phải thu dài hạn khác bao gồm:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú (i)	18.663.000.000	18.663.000.000
Ký cược, ký quỹ	2.679.161.606	2.627.934.580
Phải thu dài hạn khác	93.240.000	93.240.000
	<hr/>	<hr/>
	21.435.401.606	21.384.174.580
	<hr/>	<hr/>

- (i) Số dư phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú thể hiện khoản ký quỹ Công ty đã chuyển cho Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú để đặt cọc đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/04/HTĐT/2008 ngày 1 tháng 4 năm 2008 và Biên bản thỏa thuận số 01/HĐ/VIPCO-TLP ngày 5 tháng 4 năm 2008 giữa 2 công ty. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú sẽ thu xếp vốn vay ưu đãi cho Công ty bắt đầu từ tháng 4 năm 2008. Tuy nhiên, do Công ty Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú không thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư nói trên và Biên bản thỏa thuận tương ứng, Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho số dư khoản phải thu này.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất và Dịch vụ Thiên Lộc Phú	Trên 3 năm	18.663.000.000	(18.663.000.000)	-	Trên 3 năm	18.663.000.000	(18.663.000.000)	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại An Phú Lộc	Trên 3 năm	4.030.000.000	(4.030.000.000)	-	Trên 3 năm	4.045.000.000	(4.045.000.000)	-
Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy Bạch Đằng	Trên 3 năm	1.434.930.830	(1.434.930.830)	-	Trên 3 năm	1.435.000.000	(1.435.000.000)	-
Khác	Trên 3 năm	5.559.315.434	(5.559.315.434)	-	Trên 3 năm	5.579.246.264	(5.579.246.264)	-
		29.687.246.264	(29.687.246.264)	-		29.722.246.264	(29.722.246.264)	-
<i>Trong đó:</i>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(10.687.904.703)				(10.722.904.703)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(18.999.341.561)				(18.999.341.561)	

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	48.927.341.616	(7.363.432.265)	59.220.904.109	(7.363.432.265)
Công cụ và dụng cụ	715.028.237	-	728.383.601	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.296.318.455	-	35.698.424.090	-
Hàng hóa	4.418.128.101	-	5.843.882.689	-
	84.356.816.409	(7.363.432.265)	101.491.594.489	(7.363.432.265)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có 7.982 triệu VND nguyên vật liệu (1/1/2017: 7.982 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Đồ đạc và trang bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	47.580.933.966	16.708.537.679	2.241.320.616	2.492.499.752.413	2.559.030.544.674
Thanh lý	-	-	-	(278.256.762)	(278.256.762)
Số dư cuối kỳ	47.580.933.966	16.708.537.679	2.241.320.616	2.492.221.495.651	2.558.752.287.912
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	16.724.097.738	11.496.274.006	2.167.868.668	1.394.853.800.738	1.425.242.041.150
Khấu hao trong kỳ	705.817.637	878.145.006	13.934.202	85.172.538.084	86.770.434.929
Thanh lý	-	-	-	(278.256.762)	(278.256.762)
Số dư cuối kỳ	17.429.915.375	12.374.419.012	2.181.802.870	1.479.748.082.060	1.511.734.219.317
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	30.856.836.228	5.212.263.673	73.451.948	1.097.645.951.675	1.133.788.503.524
Số dư cuối kỳ	30.151.018.591	4.334.118.667	59.517.746	1.012.473.413.591	1.047.018.068.595

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 331.846 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 328.530 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 773.572 triệu VND (1/1/2017: 833.081 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 24).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	13.291.124.604	926.000.000	293.502.920	14.510.627.524
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	1.051.531.808	926.000.000	293.502.920	2.271.034.728
Khấu hao trong kỳ	133.996.446	-	-	133.996.446
Số dư cuối kỳ	1.185.528.254	926.000.000	293.502.920	2.405.031.174
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	12.239.592.796	-	-	12.239.592.796
Số dư cuối kỳ	12.105.596.350	-	-	12.105.596.350

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 1.220 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 1.220 triệu VND).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	113.357.805.704
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	24.560.857.906
Khấu hao trong kỳ	1.889.296.762
Số dư cuối kỳ	26.450.154.668
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	88.796.947.798
Số dư cuối kỳ	86.907.651.036

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị xây lắp đã hoàn thành và trang thiết bị của cao ốc văn phòng tại địa chỉ 37 Phan Bội Châu, Phường Quang Trung, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng có thời gian khấu hao trong 30 năm.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Công ty và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	148.086.009.551	142.880.146.943
Tăng trong kỳ	649.590.927	479.422.086.530
Xóa sổ	-	(3.174.093.568)
Số dư cuối kỳ	148.735.600.478	619.128.139.905

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công trình Tòa nhà 37 Phan Bội Châu (*)	135.570.169.117	134.906.032.735
Hệ thống xếp xe tự động Tòa nhà 37 Phan Bội Châu (*)	11.715.351.361	11.715.351.361
Cửa hàng Xăng dầu Anh Dũng (*)	1.450.080.000	1.450.080.000
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	-	14.545.455
	148.735.600.478	148.086.009.551

(*) Các công trình này được bắt đầu xây dựng từ năm 2008 trên mảnh đất có diện tích 1.148m2 được Công ty thuê từ UBND Thành phố Hải Phòng trong vòng 50 năm bắt đầu từ năm 1993. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, dự án đã dừng thi công. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang lên kế hoạch thoái vốn từ dự án trên.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2017				1/1/2017						
	Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị theo phương pháp vốn chủ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty liên kết											
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	Hải Phòng	45,1%	45,1%	(*)	-	(*)	45,1%	45,1%	69.113.119.185	-	(*)
<hr/>											
		30/6/2017		30/6/2017		1/1/2017		1/1/2017			
Đơn vị khác		Địa chỉ	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần An Phú	TP HCM				(*)	(54.560.000.000)	57.224.000.000	(*)	57.224.000.000	(54.560.000.000)	(*)
Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu	Quảng Ninh				(*)	(4.230.000.000)	4.230.000.000	(*)	4.230.000.000	(4.230.000.000)	(*)
<hr/>											
					61.454.000.000	(58.790.000.000)	61.454.000.000		61.454.000.000	(58.790.000.000)	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	20%	4.774.428.580	4.769.627.325

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗi tính thuế	21.812.122.671	4.362.424.534	21.593.806.990	4.318.761.398

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND
2017	Chưa quyết toán	7.438.727.462
2018	Chưa quyết toán	1.075.084.661
2019	Chưa quyết toán	3.080.500.559
2020	Chưa quyết toán	1.229.516.570
2021	Chưa quyết toán	8.340.595.401
2022	Chưa quyết toán	647.698.018
		21.812.122.671

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty và các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP	2.502.399.900	2.335.175.050
Công ty Cổ Phần Đầu tư phát triển Công nghiệp Hải Phòng	1.703.958.388	2.093.899.796
Công ty Xăng dầu B12	555.394.750	9.387.220.468
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	-	4.655.302.142
Công ty Xăng dầu KV3	509.927.559	3.012.920.994
Các nhà cung cấp khác	3.925.795.564	21.345.323.156
	9.197.476.161	42.829.841.606

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	-	1.648.365.888
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Tổng Công ty Hoá dầu Petrolimex – CTCP	2.502.399.900	2.335.175.050
Công ty Xăng dầu B12	555.394.750	9.387.220.468
Công ty Xăng dầu KV3	509.927.559	3.012.920.994
Công ty TNHH Đóng tàu PTS Hải Phòng	24.515.040	2.859.679.898
Công ty TNHH MTV Sơn Petrolimex	23.773.200	1.573.721.600
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	-	36.423.200
	3.616.010.449	20.853.507.098

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 5 đến 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	30/6/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.215.032.882	42.003.503.568	(39.100.885.650)	-	5.117.650.800
Thuế xuất nhập khẩu	-	31.281.380	(31.281.380)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.808.476.203	8.551.486.733	(6.778.307.529)	-	5.581.655.407
Thuế thu nhập cá nhân	186.897.182	2.021.732.939	(2.154.962.767)	4.686.802	58.354.156
Tiền thuế đất	-	347.750.820	(347.750.820)	-	-
Thuế khác	-	210.762.188	(210.762.188)	-	-
	6.210.406.267	53.166.517.628	(48.623.950.334)	4.686.802	10.757.660.363

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Lãi vay phải trả	1.689.738.806	2.030.574.620
Các khoản trích trước khác	805.876.344	1.306.839.108
	<hr/>	<hr/>
	2.495.615.150	3.337.413.728
	<hr/>	<hr/>

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	713.252.833	491.939.507
Bảo hiểm xã hội	192.081.228	76.187.026
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	169.235.225	134.013.025
Thu hộ, chi hộ	5.713.782.718	10.227.923.757
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.324.958.385	5.983.762.909
	<hr/>	<hr/>
	12.113.310.389	16.913.826.224
	<hr/>	<hr/>

24. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017	Biến động trong kỳ		30/6/2017
	Giá trị ghi sổ và số	Tăng	Giảm	Giá trị ghi sổ và số
	có khả năng trả nợ	VND	VND	có khả năng trả nợ
	VND			VND
Vay ngắn hạn	-	40.497.335.788	(40.497.335.788)	-
Vay dài hạn				
đến hạn trả				
(Thuyết minh				
24(b))	98.365.250.000	56.264.502.500	(48.995.252.500)	105.634.500.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	98.365.250.000	96.761.838.288	(89.492.588.288)	105.634.500.000
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (a)	VND	2026	255.710.000.000	263.016.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (b)	USD	2019	167.433.000.000	209.383.125.000
			423.143.000.000	472.399.125.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			(105.634.500.000)	(98.365.250.000)
			317.508.500.000	374.033.875.000

Khoản vay (a) nhằm mục đích đầu tư mua tàu Petrolimex 18. Lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + 2,20%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 436.415 triệu VND (1/1/2017: 460.659 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Khoản vay (b) từ một nhóm các ngân hàng trong đó Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex là ngân hàng đầu mối nhằm mục đích đầu tư mua tàu Petrolimex 15 và Petrolimex 16. Các lãi suất áp dụng là lãi suất tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau bình quân của các ngân hàng cho vay + 2,50%/năm và LIBOR USD 6 tháng + 4,00%/năm tương ứng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hình thành từ vốn vay có giá trị còn lại là 337.157 triệu VND (1/1/2017: 372.422 triệu VND) (Thuyết minh 14).

25. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh khoản dự phòng sửa chữa tàu. Công ty thực hiện việc trích dự phòng chi phí sửa chữa lớn cho tài sản cố định là ba (03) tàu vận tải đường biển theo chu kỳ lên đà sửa chữa 2,5 năm/lần.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.270.021.075	10.663.786.075
Trích lập trong kỳ	5.000.000.000	7.927.800.000
Tăng khác	1.097.000.000	-
Sử dụng trong kỳ	(6.233.317.500)	(2.792.499.000)
Số dư cuối kỳ	14.133.703.575	15.799.087.075

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	639.934.000.000	7.571.969.722	319.444.056.316	65.535.273.194	6.331.314.987	1.038.816.614.219
Phát hành cổ phiếu	44.775.410.000	-	(44.775.410.000)	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	80.163.383.979	(2.310.980.932)	77.852.403.047
Phân bổ vào các quỹ	-	-	31.814.194.193	(31.814.194.193)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(7.927.800.000)	-	(7.927.800.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(616.898.154)	-	(616.898.154)
Số dư tại ngày 30/6/2016	684.709.410.000	7.571.969.722	306.482.840.509	105.339.764.826	4.020.334.055	1.108.124.319.112
Số dư tại ngày 1/1/2017	684.709.410.000	7.571.969.722	306.482.840.509	109.143.777.796	3.829.136.367	1.111.737.134.394
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	32.935.239.203	(194.309.406)	32.740.929.797
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.000.000.000)	-	(5.000.000.000)
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(478.099.628)	-	(478.099.628)
Cổ tức (Thuyết minh 30)	-	-	-	(54.776.752.800)	-	(54.776.752.800)
Số dư tại ngày 30/6/2017	684.709.410.000	7.571.969.722	306.482.840.509	81.824.164.571	3.634.826.961	1.084.223.211.763

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt Cổ phiếu phổ thông	68.470.941	684.709.410.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	68.470.941	684.709.410.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	68.470.941	684.709.410.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	30/6/2017		30/6/2016	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	68.470.941	684.709.410.000	63.993.400	639.934.000.000
Cổ phiếu thường phát hành trong kỳ	-	-	4.477.541	44.775.410.000
Số dư cuối kỳ	68.470.941	684.709.410.000	68.470.941	684.709.410.000

29. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 14 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt việc phân phối khoản cổ tức 54.777 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: Không). Khoản cổ tức này đã được tạm ứng cho các cổ đông của Công ty theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 55/VP-NQ-HĐQT ngày 22 tháng 2 năm 2017.

31. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	2.664.504.000	3.657.864.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.142.816.000	500.976.000
Sau năm năm	2.376.920.000	2.431.772.000
	<hr/>	<hr/>
	6.184.240.000	6.590.612.000
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	162.967	3.698.822.744	73.506	1.668.532.169
		<hr/>		<hr/>

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.101.160.605	2.789.232.200
Cổ tức được chia	2.400	42.666.501
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần	-	51.359.062.281
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	298.547.990	492.523.164
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	74.690.713	2.833.516.625
	<hr/>	<hr/>
	1.474.401.708	57.517.000.771
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	13.800.363.211	6.662.441.623
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	216.789.223	456.007.024
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(238.932.400)
	14.017.152.434	6.879.516.247

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.347.141.107	12.475.972.976
Chi phí thuê văn phòng và dịch vụ đi kèm	2.170.800.000	2.382.000.000
Chi phí tiếp khách	1.976.301.926	2.448.989.439
Phân bổ chi phí trả trước	459.534.437	740.966.139
Chi phí khấu hao	682.236.192	700.142.004
Chi phí thuê đất	186.448.500	186.448.500
(Hoàn nhập)/Trích dự phòng phải thu khó đòi	(35.000.000)	345.034.866
Chi phí khác	6.979.757.668	7.161.462.234
	26.767.219.830	26.441.016.158

35. Chi phí thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	7.981.030.401	4.487.443.980
Chi phí nhân viên	56.344.944.861	43.874.987.919
Chi phí khấu hao và phân bổ	88.793.728.137	64.716.551.662
Chi phí sửa chữa tàu	43.468.730.812	33.997.260.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.763.723.287	27.503.001.231
Chi phí khác	7.413.061.102	6.980.792.059

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	8.551.486.733	18.648.485.507
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	4.801.255	1.064.511.844
	8.556.287.988	19.712.997.351

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	41.297.217.785	97.565.400.398
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	8.259.443.557	19.513.080.080
Ảnh hưởng bút toán hợp nhất	214.140.475	(1.366.625.721)
Chi phí không được khấu trừ thuế	39.041.300	62.314.185
Thu nhập không bị tính thuế	(480)	(8.533.300)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	129.539.603	1.526.708.031
Lỗi tính thuế được sử dụng	(85.876.467)	(13.945.924)
	8.556.287.988	19.712.997.351

(c) Thuế suất áp dụng

Từ năm 2016, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 32.935.239.203 VND (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 80.163.383.979 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 68.470.941 cổ phiếu (Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 68.470.941 cổ phiếu).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2017. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

38. Các giao dịch phi tiền tệ từ hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Phát hành cổ phiếu từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển	-	44.775.410.000

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty mẹ		
<i>Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex</i>		
Cung cấp dịch vụ	286.616.440.270	203.826.510.194
Bán hàng hóa	4.323.079.447	-
Mua hàng hóa	2.605.595.280	110.612.702
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP</i>		
Cung cấp dịch vụ	5.771.880.179	5.385.308.308
Bán hàng hóa	19.701.818	-
<i>Tổng Công Ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP</i>		
Mua hàng hóa	5.275.477.730	4.951.307.448

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng		
Mua dịch vụ	14.133.313.585	2.336.863.774
Công ty Xăng dầu KV3		
Mua hàng hóa	29.609.615.980	19.481.308.364
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ	-	73.181.818
Cung cấp hàng hóa	104.545.455	1.513.227.272
Công ty Xăng dầu B12		
Cung cấp dịch vụ	-	1.161.013.804
Bán hàng hóa	1.092.810.338	-
Mua hàng hóa	67.808.284.562	72.383.282.894
Thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	771.390.000	1.399.239.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	740.235.000	419.572.877

23 -08- 2017

Người lập:


 Nguyễn Thị Hoàng Yên
 Kế toán

Người duyệt:


 Nguyễn Thị Thanh Hào
 Kế toán trưởng



 Vũ Đình Hiền
 Tổng Giám đốc